

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 5 - 2019.
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Xuân Luyện;
2. Bà Vũ Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Trần Kim Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q - sinh năm 1981; nơi ĐKKHKT: Thôn T (nay là thôn TT), xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nơi ở: Thôn HN, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; có mặt,

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1972; nơi ĐKKHKT, nơi ở: Thôn T (nay là thôn TT), xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam; vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2019 và biên bản tự khai, nguyên đơn Nguyễn Thị Q trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào tháng 01/2009 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã LC. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn T xã LC; cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng cuối năm

2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, anh T không quan tâm xây dựng cuộc sống gia đình vì thế vợ chồng thường xuyên cãi vã, vì vậy đến năm 2012 chị đã bế con về nhà mẹ đẻ tại thôn HN, xã TH sinh sống và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Trong thời gian sống ly thân, chị và anh T không có bất kỳ biện pháp nào để giải quyết bất đồng, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên bảo, chính quyền, đoàn thể địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Bản thân chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị D - sinh ngày 16/12/2009, hiện cháu đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét cho chị được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Con nuôi, con riêng không có, hiện nay chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Văn T khai: Về thời điểm kết hôn, thủ tục kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng như chị Q đã trình bày là đúng, theo anh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng có sự chênh lệch tuổi tác quá lớn, dẫn đến vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, vì vậy năm 2013, chị Q đã bế con về nhà mẹ đẻ tại thôn HN, xã TH sinh sống, cũng từ đó vợ chồng anh sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Trong thời gian sống ly thân, bản thân anh không có bất kỳ biện pháp nào để giải quyết bất đồng, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên bảo, chính quyền, đoàn thể địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Q có đơn xin ly hôn, anh nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị D - sinh ngày 16/12/2009, hiện cháu đang do chị Q chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh nhất trí để chị được tiếp tục nuôi con, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con trong khả năng kinh tế của mình.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà, chị Q vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh T và xin nuôi cháu D, không yêu cầu anh T đóng góp phí tổn nuôi con.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị hội đồng xét xử: - Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị D - sinh ngày 16/12/2009 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị Q phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại thôn T (nay là thôn TT), xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm. Anh T được tòa án triệu tập hợp lệ tại biên bản lấy lời khai anh đề nghị Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt anh. Khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử anh có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Hội đồng xét xử căn cứ điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt anh.

[2] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã LC, huyện TL cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/01/2009. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được Luật hôn nhân và gia đình bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng không có tiếng nói chung để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay cả chị Q và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn,

đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy Hội đồng xét xử xử cho ly hôn giữa chị Q và anh T là phù hợp với pháp luật và thực tế.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Q và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Thị D - sinh ngày 16/12/2009. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu D được chị Q nuôi dưỡng, chăm sóc là chính. Mặt khác nguyện vọng của cháu nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở cùng với mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Q đề nghị được tiếp tục nuôi cháu, anh T cũng nhất trí với đề nghị của chị Q. Do vậy yêu cầu về nuôi con chung của chị Q được chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị Q và anh T không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Q có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Thị D - sinh ngày 16/12/2009 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con với chị Q.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 04451 ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã Liêm Cần, huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Cảnh